| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**TỈNH P** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 50/2024/QĐST-HNGĐ | *P, ngày 02 tháng 4 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình", giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị S, sinh năm 1985.

*Bị đơn:* Anh Hà Văn C, sinh năm 1981.

Đều có địa chỉ: khu C, xã B, huyện P, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Tuấn A, sinh ngày 06/02/2008 và cháu Hà Gia K, sinh ngày 20/01/2012. Khi ly hôn, anh, chị thống nhất thỏa thuận anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuấn A; chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K.

Về cấp dưỡng: Chị S và anh C đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C đều thống nhất xác nhận chị S và anh C có nợ chung.

Ngày 22/3/2024, nguyên đơn là chị S có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần chia nợ chung. Bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần chia nợ chung của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố.

Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết về nợ chung. Do đó, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia nợ chung giữa chị S và anh C.

Các đương sự có quyền khởi kiện lại về chia nợ chung vợ chồng bằng một vụ án dân sự khác.

2.4. Về công sức đóng góp: Chị Bùi Thị S và anh Hà Văn C đều không đề nghị giải quyết.

2.5. Về án phí:

- Chị S tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001138 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P. Trả lại cho chị S 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Trả lại cho chị S 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã thu theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001140 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện P, tỉnh P;
- UBND xã B, huyện P, P;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Phạm Việt Hưng**